TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 01 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Len và bà Hoàng Thị Thu Hiền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1998

Hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ hiện nay: Mã bưu điện H1, số nhà F, 5732-1 Harakoga, M, tỉnh Saga, Nhật Bản.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Vũ Thị C, căn cước công dân số 036300003294 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/9/2021 và anh Phạm Tiến H, căn cước công dân số 031099001900 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/5/2024. Địa chỉ: Số C, Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1993

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn D, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Chị M và anh D đều vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình ngày 07/12/2016, số đăng ký kết hôn: 36/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì chị sang N sinh sống và làm việc. Do khoảng cách địa lý xa xôi dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Đến nay, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hữu D.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hữu D có hai con chung là Nguyễn Hoài A, sinh ngày 10/11/2016 và Nguyễn Hoài A1, sinh ngày 18/9/2019, hiện hai con đều đang ở cùng anh D. Ly hôn, chị và anh D thống nhất: anh Nguyễn Hữu D là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con, anh chị tự thoả thuận về cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu D trình bày thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Trần Thị M trình bày. Do mẫu thuẫn nên anh chị đã không còn quan tâm và ít liên hệ với nhau từ năm 2023, đến năm 2024 thì không còn liên hệ gì nữa. Thời gian vợ chồng mâu thuẫn, anh và chị M cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị M xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị M.

Về con chung: Anh Nguyễn Hữu D trình bày thống nhất như chị Trần Thị M trình bày. Ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con Nguyễn Hoài A, sinh ngày 10/11/2016 và Nguyễn Hoài A1, sinh ngày 18/9/2019. Anh và chị M tự thoả thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Hoài A có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

* Xác minh tại gia đình anh Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị M1 là mẹ đẻ anh Nguyễn Hữu D cung cấp: Anh Nguyễn Hữu D và chị Trần Thị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình như anh chị trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì chị M đi sang Nhật Bản lao động. Thời gian đầu chị M vẫn thường

xuyên quan tâm đến gia đình, nhưng 6 tháng gần đây chị M ít liên lạc về gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh D lạnh nhạt. Nay chị M xin ly hôn, gia đình muốn anh chị tiếp tục chung sống để nuôi dạy con nhưng việc hôn nhân là do anh chị quyết định.

Về con chung: Anh D1 và chị M có hai con chung là Nguyễn Hoài A, sinh ngày 10/11/2016 và Nguyễn Hoài A1, sinh ngày 18/9/2019, hiện hai con đều đang ở cùng anh D1. Tuy nhiên anh D1 sức khoẻ yếu, đang bị bệnh nên không có khả năng về kinh tế để nuôi con còn chị M đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con được, do vậy việc nuôi con và cấp dưỡng cho con do anh chị tự thoả thuận, gia đình không can thiệp. Trong thời gian chị M ở nước ngoài, các con ở cùng anh D1 thì gia đình bà đồng ý hỗ trợ anh D1 chăm sóc các cháu. Các cháu hiện nay cũng có nguyện vọng ở với bố.

Về tài sản: Anh Duy và chị M không có tài sản gì chung, không nợ các tổ chức đoàn thể tại địa phương, đề nghị Toà án không giải quyết.

* Xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Nguyễn Hữu D và chị Trần Thị M có đăng ký kết hôn và sinh sống tại địa phương. Đến năm 2022 chị M đi sang Nhật Bản lao động, anh chị mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không có thông tin. Anh chị có hai con chung hiện đang ở cùng anh D như anh chị trình bày là đúng. Anh chị không nợ các tổ chức đoàn thể nào tại địa phương. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Hữu D, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, Thư ký, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Toà án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt các đương sự là đúng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu D, giao hai con chung cho anh Nguyễn Hữu D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D1 và chị M tự thoả thuận về cấp dưỡng cho con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng cho con và chia tài sản chung. Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị M đang làm việc và sinh sống tại Nhật Bản có uỷ quyền cho chị Vũ Thị C và anh Phạm Tiến H giao nhận các tài liệu, chứng cứ và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Hữu D cũng có Đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:* Nguyên đơn hiện đang cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Hữu D kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện cấm kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do sống xa cách dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Cả hai bên đã tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Trần Thị M xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu D, anh D cũng đồng ý, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Trần Thị M ly hôn với anh Nguyễn Hữu D.

[3.2] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Hoài A, sinh ngày 10/11/2016 và Nguyễn Hoài A1, sinh ngày 18/9/2019, hiện hai con đều đang ở cùng anh D. Ly hôn chị M có nguyện vọng để cả hai con cho anh D nuôi dưỡng, xét chị M đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con, anh D cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung nên Toà án giao hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị và nguyện vọng của con chung. Cả chị M và anh D đều thống nhất việc cấp dưỡng cho con do anh chị tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết nên nên Toà án tôn trọng sự tự nguyện của anh chị, không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị M và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu D.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Hoài A, sinh ngày 10/11/2016 và Nguyễn Hoài A1, sinh ngày 18/9/2019 cho anh Nguyễn Hữu D trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng cho con.

Chị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được ở với người trực tiếp nuôi dưỡng, có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị M, anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí**:** Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000391 ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh Nguyễn Hữu D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ, hay niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Phú Lương, huyện Đông Hưng (số ĐK36/2016-07/12/2016);
- Cục THA tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền